

Số: 09/BC-THPĐA

Uông Bí, ngày 09 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO
Đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ giáo dục tiểu học học kì I
Năm học 2023– 2024

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo

Đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt và tự chủ của nhà trường, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục tiểu học

Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục môn học phù hợp với tình hình điều kiện thực tiễn nhà trường. Việc xây dựng kế hoạch giáo dục phải đảm bảo đầy đủ đúng mẫu theo Công văn 2345/BGDĐT đồng thời bổ sung điều chỉnh một số nội dung theo Công văn 3969 của Bộ GD&ĐT. Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch giáo dục được công khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

Thực hiện dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch về chất lượng giáo dục và điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, cơ sở vật chất, chất lượng đội ngũ.

2. Đánh giá quy mô trường, lớp, học sinh

Khối	Lớp	Tổng số	Nữ	DT	Nữ DT	Nghèo	Cận nghèo	HSKT	Mồ côi	KT
1	1A1	33	15	4	2	0	1	1	0	1
	1A2	31	14	5	0	1	0	0	0	0
	1A3	33	15	0	0	0	0	1	0	0
		97	44	9	2	1	1	2	0	1
2	2A1	34	14	0	0	0	0	0	0	0
	2A2	34	15	1	1	1	0	2	1	0
	2A3	31	15	1	1	0	0	3	0	0
		99	44	2	2	1	0	5	1	0
3	3A1	37	19	1	1	0	0	0	0	0
	3A2	32	10	2	1	0	1	3	0	0
	3A3	39	17	2	0	0	0	1	0	0
		108	46	5	2	0	1	4	0	0
4	4A1	34	19	0	0	0	0	1	0	0
	4A2	33	15	1	1	0	0	1	1	0
	4A3	33	15	0	0	0	0	2	0	0
		100	49	1	1	0	0	4	1	0

5	5A1	45	26	0	0	0	0	2	0	0
	5A2	43	23	3	3	1	1	5	0	1
		88	49	3	3	1	1	7	0	1
Tổng	14	492	323	20	10	3	3	22	2	2

Tổng số lớp: 14 lớp; 492 HS (*đạt 100% so với kế hoạch phát triển giáo dục; giảm 52 học sinh so với năm học trước*)

Các lớp học được tổ chức theo đúng Điều lệ và hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ qua đó phát huy được vai trò của HS trong lớp.

3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Tính đến tháng 01/2024, tổng số cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), nhân viên (NV) có mặt là 27.

Số giáo viên chia ra như sau: GV tiểu học: 17 (04 HĐTP); GV Âm nhạc: 01; GV Mỹ thuật: 01; GV thể dục: 01; GV Tin học: 01; GV Tiếng Anh: 02

Cán bộ quản lý						Giáo viên				Nhân viên		
Tổng số	HT	PHT	Tỷ lệ đạt chuẩn và trên chuẩn	Số lượng thừa (+)/thiếu (-) so với quy định	Số lượng thừa (+)/thiếu (-) so với biên chế giao	Tổng số	Tỷ lệ đạt chuẩn và trên chuẩn	Số lượng thừa (+)/thiếu (-) so với quy định	Số lượng thừa (+)/thiếu (-) so với biên chế giao	Tổng số	Số lượng thừa (+)/thiếu (-) so với quy định	Số lượng thừa (+)/thiếu (-) so với biên chế giao
02	1	1	100%	0	0	23	82,6%	+1	0	2	-1	0

4. Thực trạng tổ chức dạy và học

4.1. Thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục, tổ chức dạy học 2 buổi/ngày

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của cấp trên: Kế hoạch giáo dục nhà trường; Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024; Kế hoạch về công tác kiểm tra nội bộ năm học 2023-2024; Kế hoạch đánh giá, xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn giáo viên trường tiểu học năm học 2023-2024; Kế hoạch về công tác bồi dưỡng thường xuyên năm học 2023-2024; Kế hoạch công tác kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2023-2024; Kế hoạch cải tiến chất lượng năm học 2023-2024; Kế hoạch thực hiện công khai năm học 2023-2024; Kế hoạch công tác y tế trường học, Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục chính trị, công tác học sinh giáo dục thể chất, thể thao và y tế trường học năm học 2023 – 2024; Kế hoạch thực hiện công tác bán trú năm học 2023-2024...

4.1.1. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1-2-3-4

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn đã được ban hành, cụ thể:

- Bố trí cân đối sĩ số học sinh, đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp, sĩ số trung bình 35HS/lớp;

- Sửa chữa, tu bổ nâng cấp hệ thống quạt, điện chiếu sáng, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác dạy và học của giáo viên học sinh;

- Phân công đồng chí PHT xây dựng kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục và kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và phải đảm bảo các yêu cầu:

- + Các môn học Đạo đức, Tự nhiên- Xã hội, Mĩ thuật, Âm nhạc và Giáo dục thể chất,... được phép linh hoạt dạy học theo chủ đề, chủ điểm. Môn Tiếng Việt và Toán thực hiện theo cấu trúc thiết kế của sách giáo khoa để đảm bảo tính logic của cấu tạo số, phép tính, các yếu tố hình học, đo lường... trong môn Toán và cấu tạo chữ cái, vần, âm, tiếng, chữ viết trong môn Tiếng Việt.

- + Nội dung giáo dục địa phương là những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường,... Nội dung này được tích hợp với các môn học và hoạt động trải nghiệm.

- + Linh hoạt trong phân công nhiệm vụ của cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường để tổ chức dạy học 2buổi/ngày, 9buổi/tuần, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút. Ngoài 25 tiết (khối lớp 1-2) và 28 tiết quy định (khối lớp 3), 30 tiết quy định (khối lớp 4) nhà trường tổ chức hoạt động rèn luyện kỹ năng, thực hành kiến thức đã học, giúp đỡ, bồi dưỡng để học sinh hoàn thành các nội dung học tập. Thời khóa biểu được sắp xếp một cách khoa học, các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc quy định tại CTGDPT 2018 được ưu tiên xếp vào thời gian học chính khóa;

- + Phân công đồng chí PHT nhà trường và các tổ chuyên môn trực tiếp bồi dưỡng, hướng dẫn đồng chí Nguyễn Duy Đức, Hoàng Thị Việt Nga trong việc tiếp cận phương pháp giảng dạy của môn GDTC, Kỹ thuật, Công nghệ, Tin học để bố trí đủ định mức tiết dạy để dạy đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định.

4.1.2. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2006 đối với lớp 5.

- Thực hiện đúng, đủ theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 về chương trình GDPT;

** Xây dựng kế hoạch giáo dục môn học*

- + Tổ chức dạy học cho học sinh lớp 5 để học sinh được chuẩn bị học lớp 6 Chương trình GDPT 2018 theo hướng dẫn tại Công văn số 3799/BGDĐT-GDTH ngày 01/9/2021 của Bộ GDĐT. Việc điều chỉnh kế hoạch giáo dục môn học lớp 5 chương trình giáo dục phổ thông 2006 cần đảm bảo theo yêu cầu của chương trình và theo hướng dẫn điều chỉnh, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường

- + Các tổ chuyên môn, phân công giáo viên rà soát, điều chỉnh và sắp xếp các bài học theo chủ đề của các tổ chuyên môn, nhà trường xây dựng phân phối chương trình, khung kế hoạch giáo dục môn học theo từng khối lớp, được trình

bày thành bảng các bài học đã được xây dựng sau khi tinh giản nội dung và sắp xếp theo thời gian thực hiện. Tích hợp các nội dung giáo dục (*học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục Quốc phòng và An ninh; giáo dục An toàn giao thông, bảo vệ môi trường bảo vệ môi trường; bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, hải đảo; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống tai nạn thương tích; phòng chống HIV/AIDS; phòng chống mù lòa,...*) vào các môn học và hoạt động giáo dục, việc tích hợp cần đảm bảo tính hợp lý, hiệu quả, không gây áp lực đối với học sinh và giáo viên.

**Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục*

a. Các hoạt động giáo dục bắt buộc: Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục tập thể (2 tiết/tuần); giáo dục ngoài giờ lên lớp (4 tiết/tháng); bố trí trong thời khóa biểu của nhà trường.

- Hoạt động giáo dục tập thể: thời lượng 02 tiết/tuần, gồm:
- + Hoạt động sinh hoạt dưới cờ: thời lượng 1tiết/tuần.
- + Hoạt động sinh hoạt lớp: thời lượng 1tiết/tuần.
- Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp: 4 tiết/tháng.

b. Các hoạt động giáo dục không bắt buộc (*hoạt động ngoài giờ chính khóa*)

- Nhà trường đã chỉ đạo TPT và Ban hoạt động ngoài giờ lên lớp xây dựng các kế hoạch và tổ chức các hoạt động ngoài giờ cho HS trong học kì I đã huy động được đông đảo HS tham gia cũng như qua đó phát huy sở trường của từng đối tượng HS thông qua từng hoạt động. Tiếp tục tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, phát thanh Măng non về Danh thắng Yên Tử theo tài liệu của Ban Quản lý di tích và rừng quốc gia Yên Tử biên soạn.

- Trong học kì I, nhà trường đã tổ chức thành công các hoạt động ngoài giờ theo kế hoạch như: Hội thi ATGT; Văn nghệ chào mừng ngày NGNV 20-11; Hoạt động chào mừng 22/12; Tổ chức Hội khỏe Phù Đổng cấp trường với các môn thi đấu theo Điều lệ của Phòng GD&ĐT, Rung chuông vàng...Thông qua các hoạt động ngoài giờ, HS được tham gia các hoạt động VHVN, TDDT từ đó góp phần xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Duy trì hoạt động của các CLB: Văn- Toán tuổi thơ, Tiếng Anh, TDDT, VCD. Kết quả:

+ 10/23 học sinh (khối 3-4-5) Dự thi IOE cấp trường đạt giải (1KK toàn quốc cấp trường; 1 giải Ba toàn tỉnh cấp trường; 3 Nhất cấp trường; 3 Nhì cấp trường; 2 Ba cấp trường.

+ 1 HS lớp 4A1 (Nguyễn Gia Bảo) đạt giải Ba toàn tỉnh vòng thi đặc biệt Hội thi "Vì Quảng Ninh giới tiếng Anh năm 2023".

+ Viết chữ đẹp cấp trường: 40 giải (5 Nhất, 10 Nhì, 10 Ba, 15 KK).

+ Viết chữ đẹp cấp TP: 9/10 HS đạt giải (3 giải Nhì, 4 giải Ba, 2 giải KK)

+ TDDT: Tham gia đồng diễn và thi đấu các môn đạt:

- . Môn Bóng đá: 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 01 giải Ba
- . Môn Cờ vua: 04 giải Nhất, 03 giải Nhì, 03 giải Ba
- . Môn Bơi: 02 Nhất: 02 nhất bơi nữ, 02 nhất bơi nam

- Thực hiện giáo dục hòa nhập: Năm học 2023-2024, nhà trường có 02 học sinh khuyết tật học hòa nhập. Giáo viên giảng dạy xây dựng kế hoạch, phương pháp dạy học, đánh giá phù hợp với khả năng tiếp thu của trẻ, nhà trường đảm bảo chi trả phụ cấp ưu đãi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy người khuyết tật được quy định tại khoản 2, Điều 7 của Nghị định số 28/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ theo hướng dẫn tại công văn số 184/SGD&ĐT-GDTrH ngày 5/8/2016 của Sở GD&ĐT.

4.2. Thực hiện quy chế chuyên môn, đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh

- Tiếp tục đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tích thực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

- Tiếp tục có triển khai Mô hình trường học mới VNEN với hình thức tổ chức học nhóm, trang trí lớp học: việc trang trí lớp học phải đúng nguyên tắc tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả,.. phù hợp với Chương trình GDPT2018.

- Triển khai phương pháp “Bàn tay nặn bột” theo hướng dẫn tại công văn số 3535/BGDĐT-GDTrH ngày 27/5/2013, công văn số 2674/SGD&ĐT-GDTH ngày 15/10/2014. Cụ thể: tiếp tục triển khai thực hiện ở tất cả các khối lớp đối với môn Tự nhiên và xã hội, môn Khoa học. Đối với giáo viên dạy TNXH lớp 1-3, Khoa học lớp 4- 5 yêu cầu thực hiện ít nhất 02 tiết/học kì. Giáo viên được chủ động bố trí thời gian hợp lý để hướng dẫn học sinh học tập.

- Tiếp tục dạy học Mĩ thuật tại tất cả các khối lớp theo PPDH Đan Mạch đảm bảo trong học kỳ thực hiện 01 chủ đề/lớp học.

- Vận dụng “Sơ đồ tư duy” vào tổ chức dạy học một số môn học, bài học phù hợp; tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá môn Tiếng Việt theo hướng dẫn tại Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2021 về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

Thực hiện dạy học tích hợp các nội dung giáo dục “*kỹ năng sống theo sách Kỹ năng sống, nội dung giáo dục Bác Hồ và những bài học về Bác*” vào tiết Sinh hoạt tập thể phù hợp, mỗi bài dạy 1 tiết với thời lượng 20 phút/tiết, đối với các lớp 5; đối với lớp 1, 2, 3, 4 thực hiện vào tiết THKT ở buổi 2.

- Học kì I, nhà trường tổ chức thành công 6 chuyên đề, trong đó có 2 chuyên đề cấp tổ; 04 chuyên đề cấp trường nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh theo chương trình GDPT 2018.

Nhà trường cử CBQL, GV tham gia đầy đủ các chuyên đề cấp thành phố, chuyên đề cấp cụm cũng như các đợt tập huấn (Tập huấn về TT27/2020; Kiểm định chất lượng GD.... để CBQL, GV được bồi dưỡng nâng cao trình độ và nghiệp vụ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

- Công tác kiểm tra, đánh giá học sinh: Nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng quy định việc đánh giá xếp loại học sinh: Đối với học sinh lớp 1-4: Thực hiện đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT. Đối với học sinh lớp 4, lớp 5: thực hiện theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ GDĐT; sử dụng hiệu quả phần mềm SMAS trong quản lý và đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường; sử dụng Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục và Học bạ trong đánh giá, quản lý kết quả giáo dục học sinh trích xuất trên phần mềm SMAS. Nghiêm túc cập nhật kết quả đánh giá lên trang Cơ sở dữ liệu ngành.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ: Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc lưu trữ hồ sơ theo quy định. Đã tổ chức KTĐK giữa HKI, Cuối HKI. Cập nhật kết quả trên phần mềm kịp thời và thực hiện trích xuất kết quả các kỳ kiểm tra lưu hồ sơ theo quy định.

5. Đánh giá về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- Về đội ngũ giáo viên

Tổng số giáo viên đến tháng 12/2024: 23 đ/c. Trong đó:

+ GV văn hoá: 17 đồng chí;

+ GVBM: 06 đồng chí (Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng Anh, TD);

+ TPT: 01 đồng chí (*GV kiêm nhiệm*)

Đội ngũ giáo viên của nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Trong năm học không có giáo viên nào vi phạm phải bị xử lý kỉ luật. 100% giáo viên được tham gia tập huấn về thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học:

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/05/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn CSVC các trường mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học; Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04/10/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Cơ sở vật chất của nhà trường tương đối đầy đủ, đáp ứng được yêu cầu dạy - học trong giai đoạn đổi mới. Nhà trường có tổng diện tích là 15445,3m² đạt 28,39 m²/HS. Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8793:2011 về yêu cầu thiết kế trường tiểu học. Nhà trường có hệ thống cây xanh bóng mát, vườn hoa đảm bảo

trường học thân thiện. Hệ thống công trường, tường rào đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học. Tổng số phòng học: 14 phòng. Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8793:2011 về yêu cầu thiết kế trường tiểu học, diện tích 50m²/ phòng. Phòng học, bàn ghế và bảng lớp đảm bảo theo quy định tại TT liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT. Phòng học có hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống quạt; có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

- Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.

- Trong năm, nhà trường đầu tư, bổ sung mua sắm thêm một số TBDH có chất lượng được bổ sung vào kho thiết bị dạy học của nhà trường. Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Hàng tuần, giáo viên lập phiếu mượn và thực hiện mượn trả đồ dùng và sử dụng trong các tiết dạy theo đúng quy định, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Về duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia: Tiếp tục thực hiện Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia; Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở GDPT và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Sở GDĐT. Để tiếp tục chu kỳ 2020 - 2025 cho công tác tự đánh giá của nhà trường đạt kết quả.

- Về công tác lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo

Đội ngũ CBQL của nhà trường có đủ theo Điều lệ trường tiểu học, trình độ đào tạo đáp ứng các tiêu chí của trường chuẩn QG mức độ 2. CBQL được đánh giá đạt Tốt theo Chuẩn HT và PHT. CBQL tham gia tập huấn đầy đủ các lớp bồi dưỡng về chuyên môn do Phòng GD&ĐT tổ chức, có năng lực trong công tác điều hành chỉ đạo nhà trường.

- Công tác kiểm tra nội bộ:

Nhà trường thực hiện kiểm tra công tác Quản lý và lưu giữ Hồ sơ của các đ/c: Kế toán; Nhân viên Thư viện – Thiết bị; các tổ chuyên môn kết quả cụ thể:

+ Cá nhân: Xếp loại Tốt: 02 đ/c (Lương Thị Định và Nguyễn Thị Oanh)

+ Hồ sơ tổ chuyên môn: Xếp loại Tốt

+ Tổng số GV được kiểm tra: 12 đồng chí kết quả cụ thể:

STT	Họ và tên	Kết quả xếp loại từng lĩnh vực		Xếp loại chung
		Chất lượng chính trị, đạo đức, lối sống	Chuyên môn nghề nghiệp	

1	Bùi Thị Đào	Tốt	Tốt	Tốt
2	Nguyễn Thúy Ngân	Tốt	Tốt	Tốt
3	Phạm Thị Kiều Oanh	Tốt	Tốt	Tốt
4	Hoàng Thị Duyên	Tốt	Khá	Khá
5	Đặng Thị Duân	Tốt	Tốt	Tốt
6	Trần Thanh Hương	Tốt	Tốt	Tốt
7	Đặng Thị Hải	Tốt	Tốt	Tốt
8	Vũ Thị Bích Loan	Tốt	Tốt	Tốt
9	Nguyễn Hải Yến	Tốt	Tốt	Tốt
10	Đỗ Thị Vương	Tốt	Khá	Khá
11	Nguyễn Thị Diệu Hương	Tốt	Tốt	Tốt
12	Đỗ Thị Thu Thủy	Tốt	Tốt	Tốt

Tổng hợp chung kết quả KTNB học kì I năm học 2023-2024 của giáo viên:

Tốt		Khá		Đạt yêu cầu		Chưa ĐYC	
SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
10	83,3%	02	16,7%	0	0	0	0

6. Đánh giá chung

6.1. Kết quả đạt được

- Trường Tiểu học Phương Đông A đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, đạt được những kết quả tích cực, kịp thời ban hành các văn bản, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học theo chỉ đạo của Phòng GDĐT. Thực hiện quyền tự chủ của Nhà trường trong việc vận dụng chương trình, sách giáo khoa, điều chỉnh tài liệu tổ chức hoạt động dạy học linh hoạt, hiệu quả sát đối tượng học sinh, trong đó chú trọng quản lý hoạt động dạy học của giáo viên. Năm học 2023 - 2024, nhà trường huy động được 100% số trẻ trong độ tuổi ra lớp và duy trì số lượng đến cuối Học kỳ I là: 492 HS. Cùng với các trường trên địa bàn phường làm tốt công tác giữ chuẩn Phổ cập GDTH đúng độ tuổi năm 2023; Hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp trên tiếp tục công nhận đạt chuẩn phổ cập GDTH đúng độ tuổi cấp độ 3.

- Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên được bồi dưỡng, tập huấn về Chương trình GDPT 2018 và sử dụng sách giáo khoa mới; cơ sở vật chất trường, lớp được củng cố, đảm bảo tỷ lệ 01 lớp/ phòng học. Đáp ứng cơ sở vật chất cho 100% học sinh được học 2 buổi/ ngày.

- Triển khai xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường chủ động, linh hoạt, thể hiện sự sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình GDPT. Thực hiện nghiêm túc việc dạy và học, đảm bảo việc giảng

dạy chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1 và lớp 2, lớp 3&4 và Chương trình GDPT 2006 đối với lớp 5 theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- Chất lượng giáo dục trong học kỳ I năm học 2023-2024 (*Phụ lục 1*)

+ Số HS được đánh giá HTT môn Tiếng Việt, Tiếng Anh, Tin học lớp 5 đạt thấp (TV: $34/88=38,63\%$, TA: $18/88=20,45\%$, TH: $24/88=27,27\%$)

+ Các môn học và hoạt động giáo dục còn 1 số HS chưa hoàn thành (Tiếng Anh 4: 06HS; TH4: 8HS; CN4: 8HS)

+ Những phẩm chất chủ yếu còn 1 số HS Cần cố gắng (Yêu nước: 01 HS khối 3; Nhân ái: 01 HS khối 3; Chăm chỉ: 05 HS khối 3, 10 HS khối 4; Trung thực: 01 HS khối 3; Trách nhiệm: 01 HS khối 3, 06 HS khối 4).

6.2. Khó khăn

- Do giáo viên trong độ tuổi sinh đẻ, hợp đồng về dạy thay thai sản cũng nghỉ thai sản nên có phần ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc, đến chất lượng giáo dục chung của nhà trường.

- Công tác theo dõi, chăm sóc sức khỏe cho HS còn hạn chế do nhà trường không có nhân viên y tế, nhân viên phụ trách thiết bị- thư viện kiêm nhiệm công tác y tế nên không có chuyên môn nghiệp vụ.

6.3. Nguyên nhân, giải pháp

Chất lượng đội ngũ giáo viên mặc dù có nhiều cố gắng trong học tập nâng cao trình độ, song một số giáo viên còn hạn chế về năng lực và trong việc cập nhật phương pháp, kỹ thuật dạy học mới. Một số ít giáo viên mới vào nghề chất lượng giờ dạy chưa cao.

6.4. Những bài học kinh nghiệm

Nhà trường tích cực tuyên truyền phổ biến pháp luật, tăng cường công tác nêu gương để nhân rộng mô hình những gương điển hình tiên tiến để làm gương cho đồng nghiệp.

Quan tâm chỉ đạo tốt công tác chuyên môn, bồi dưỡng đội ngũ để nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

Tăng cường bồi dưỡng tiếng Việt và học sinh năng khiếu bằng các nhiều hình thức như tổ chức các câu lạc bộ, sân chơi trí tuệ hay các hoạt động ngoài giờ lên lớp, bổ sung nhiều sách tuyên hay cho thư viện, chỉ đạo nhân viên thư viện tổ chức giới thiệu sách 01 buổi/ tháng... để kích thích và bồi dưỡng năng lực tiếng Việt, năng khiếu cho học sinh để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐẾN KHI KẾT THÚC NĂM HỌC

1. Tổ chức thực hiện linh hoạt chương trình giáo dục phổ thông

Hoàn thành nhiệm vụ năm học, hoàn thành các chỉ tiêu thi đua đã đề ra cho năm học 2023-2024.

Thực hiện rà soát; tăng cường cơ sở vật chất nhà trường đáp ứng điều kiện

thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT.

Tổ chức tốt kiểm tra định kì cuối năm và bàn giao chất lượng.

Tổ chức tốt các chuyên đề cấp trường, cấp tổ và các hội thi theo kế hoạch của nhà trường và của PGD;

Tăng cường các biện pháp tuyên truyền phòng ngừa các dịch bệnh, phối hợp với Y tế xã để chăm sóc sức khỏe cho học sinh, đảm bảo vệ sinh an toàn trong nhà trường.

2. Chuẩn bị các điều kiện triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018

- Về đội ngũ giáo viên: Cần tích cực học tập, nghiên cứu các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục; thường xuyên liên hệ với PHHS, giải đáp những thắc mắc của PHHS và nhân dân về những thay đổi theo đúng bản chất vấn đề để định hướng dư luận một cách đúng đắn.

- Về cơ sở vật chất: Đảm bảo về CSVC, TBDH thực hiện chương trình GDPT mới

- Về dạy học 02 buổi/ngày: Tham mưu các cấp có thẩm quyền xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển dụng giáo viên bảo đảm số lượng và chất lượng, cân đối về cơ cấu giáo viên, nhân viên, đặc biệt giáo viên tiểu học. Đề nghị tuyển dụng hoặc hợp đồng giáo viên giảng dạy ngay từ đầu tháng 8 để kịp thời cho công tác bồi dưỡng chuyên môn và phân công nhiệm vụ đầu năm học..

3. Dự kiến thời gian kết thúc năm học 2023-2024: ngày 30/5/2024

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị Phòng GD&ĐT tham mưu với UBND thành phố bổ sung biên chế các giáo viên, nhân viên còn thiếu theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Uông Bí (B/c);
- UBND phường Phương Đông (B/c);
- PHT, Các tổ chuyên môn trong trường(t/h);
- Công TTĐT;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Hoàng Thị Nhung

PHỤ LỤC 1

Chất lượng giáo dục Học kì I - Năm học 2023-2024

1. Đánh giá theo TT27: Lớp 1-2-3-4: Tổng số 404 học sinh (K1: 97; K2: 99; K3: 108; K4: 100)

T T	I. Các môn học và hoạt động giáo dục Lớp	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Tiếng Việt	355	82,92	49	17,08	0	0
2	Toán	354	87,62	50	12,38	0	0
3	TN-XH	212	69,73	92	30,27	0	0
	Khoa học	91	91	9	9	0	0
	LS-ĐL	89	89	11	11	0	0
4	Tiếng Anh	323	79,95	75	18,57	6 (L4)	1,48
5	Đạo đức	300	74,25	104	25,75	0	0
6	Hoạt động trải nghiệm	291	72,02	113	27,98	0	0
7	Giáo dục thể chất	316	78,21	88	21,79	0	0
8	Tin học và Công nghệ (T. học)	163	78,36	37	17,8	8 (4L3, 4L4)	3,84
9	Tin học và Công nghệ (CN)	174	83,65	26	12,51	8 (3L3, 5L4)	3,84
10	Nghệ thuật (Âm nhạc)	278	68,81	126	31,19	0	0
11	Nghệ thuật (Mĩ thuật)	235	58,16	169	41,84	0	0
T T	II. Những phẩm chất chủ yếu	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Yêu nước	352	87,12	51	12,64	1 (L3)	0,24
2	Nhân ái	348	86,13	55	13,63	1 (L3)	0,24
3	Chăm chỉ	255	63,11	134	33,18	15 (5L3, 10L4)	3,71
4	Trung thực	329	81,43	74	18,33	1 (L3)	0,24
5	Trách nhiệm	255	63,11	142	35,16	7 (1L3, 6L4)	1,73
T T	III. Những năng lực cốt lõi	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Những năng lực chung						
	Tự chủ và tự học	267	66,08	122	30,21	15 (5L3, 10L4)	3,71
	Giao tiếp và hợp tác	287	71,03	116	28,73	1 (L3)	0,24
	Giải quyết vấn đề sáng tạo	250	61,88	144	35,65	10 (5L3, 5L4)	2,47
2	Những năng lực đặc thù						
	Ngôn ngữ	317	78,46	81	20,06	6 (1L3, 5L4)	1,48
	Tính toán	342	84,65	61	13,87	1 (L3)	0,24
	Khoa học	288	71,28	110	27,24	6 (1L3, 5L4)	1,48

						5L4)	
	Công nghệ	166	79,8	37	17,8	5 (3L3, 2L4)	2,4
	Tin học	158	75,96	44	21,16	6 (4L3, 2L4)	2,88
	Thẩm mỹ	240	59,4	163	40,36	1 (L3)	0,24
	Thể chất	315	77,97	88	21,79	1 (L3)	0,24

2. Đánh giá theo TT22 (Lớp 5): Tổng số 88 học sinh

T T	I. Các môn học và hoạt động giáo dục Lớp	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Tiếng Việt	34	38,63	54	61,37	0	0
2	Toán	60	68,18	28	31,82	0	0
3	Khoa học	73	82,95	15	17,05	0	0
4	Lịch sử và Địa lý	63	71,59	25	28,41	0	0
5	Tiếng Anh	18	20,45	65	73,87	5	5,68
6	Tin học	24	27,27	61	69,33	3	3,4
7	Đạo đức	57	64,77	31	35,23	0	0
8	Âm nhạc	61	69,31	27	30,69	0	0
9	Mĩ thuật	23	30,95	65	69,05	0	0
10	Kĩ thuật	61	69,31	27	30,69	0	0
11	Thể dục	75	85,22	13	14,78	0	0
T T	II. Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Tự phục vụ, tự quản	56	63,63	32	36,37	0	0
2	Hợp tác	60	68,18	28	31,82	0	0
3	Tự học và giải quyết vấn đề	34	38,63	49	61,37	0	0
T T	III. Phẩm chất	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
	Chăm học, chăm làm	49	55,68	34	38,64	5	5,68
	Tự tin, trách nhiệm	50	56,81	38	43,19	0	0
	Trung thực, kỉ luật	51	57,95	37	42,05	0	0
	Đoàn kết, yêu thương	62	70,45	26	29,55	0	0